

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-10-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Như Học;

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 14, thôn Trung C, xã Cẩm K, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 7B, xã Hiệp T, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy D trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Năm 2008, chị D và anh G quen biết do cùng làm công nhân may tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khoảng thời gian 01 năm quen biết anh chị nảy sinh tình cảm và tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 2009. Nhưng đến ngày 04/5/2012, vợ chồng chị D - anh G mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm K, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D cùng lập nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, quá trình chung sống với nhau thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh G không chí thú làm ăn mà tụ tập bạn bè sa vào các tệ nạn xã hội (rượu chè, cờ bạc). Mặc dù chị D đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh G không sửa đổi; trái lại anh G còn có hành vi bạo lực gia đình với chị D. Đến đầu năm 2012, chị D đã về sống với cha mẹ ruột tại xã Cẩm K, Hội An, Quảng Nam và anh G cũng về sống cùng chị nhưng anh G không thay đổi tính tình nên mâu thuẫn tiếp tục phát sinh. Đến năm 2016, anh G về sống cùng cha mẹ ruột tại ấp 7B, Hiệp T, Năm C cho đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay; Trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, nay hết tình cảm chị D yêu cầu ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 12/11/2012 (Nam), hiện nay cháu đang sống chung với chị D. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu nuôi con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt do hoàn cảnh địa lý xa xôi, con nhỏ nên không có mặt tham gia phiên tòa.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Chị Phạm Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn G; yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; ngoài ra chị không có yêu cầu khác.

Anh Nguyễn Văn G vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Thùy D khởi kiện Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Văn G, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn G có nơi cư trú tại ấp 7B, xã Hiệp T, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và trong vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Phạm Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Thùy D; anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn G kết hôn năm 2009, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm K, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2012, quyển số 02, ngày 04 tháng 5 năm 2012, do vậy quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Quá trình chung sống, anh chị có những mâu thuẫn không hàn gắn được, chị D cho rằng anh G không có trách nhiệm chăm lo cuộc sống gia đình, sa vào các tệ nạn xã hội, bỏ bê vợ con. Dù chị D đã cho cơ hội sửa đổi nhưng anh G không thay đổi và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian dài anh chị sống ly thân cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, anh G không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị D; cho thấy anh G không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ những phân tích trên xét thấy mâu thuẫn của anh chị đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy D về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

[3] Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 12/11/2012 (Nam), hiện nay cháu đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, cháu S đã có văn bản trình bày nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nếu cha mẹ ly hôn; đồng thời, từ trước đến nay cháu S đều sống cùng chị D, được đảm bảo đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần; bên cạnh đó, phía anh G cũng không nêu ý kiến về con chung; cho nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu S cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Anh G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vấn đề cấp dưỡng do hai đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện,*

đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng chị D phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy D về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

Chị Phạm Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thùy D tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 12/11/2012 (Nam).

Anh G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng chị D phải chịu, chị có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0006765 ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- UBND xã Cẩm Kim, Hội An, Quảng Nam;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Khánh